TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 725/2018/DSPT
Ngày: 07/8/2018
V/v Tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

Ông Nguyễn Bá Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 264/DSPT ngày 18 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2998/2018/QĐ-PT 02/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 5853/2018/QĐ-PT ngày 31/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1954

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Bùi Diễm S, sinh năm: 1995 (văn bản ủy quyền lập ngày 31/10/2017)

Địa chỉ: Khu phố A, thị T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim P, sinh năm: 1971

Địa chỉ: xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trần Thị Kim H, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

Người kháng cáo: bà Phạm Thị Kim P là bị đơn

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2017, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; nguyên đơn ông Trần Văn T (có bà Phạm Bùi Diễm S) trình bày:

Vào ngày 10/01/2012, bà Phạm Thị Kim P có ký giấy nhận nợ để vay của vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) với lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Khi ký giấy nhận nợ, phía bà Phạm Thị Kim P có thế chấp cho vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 692/QSDĐ ngày 29/8/1998 vì bản chính Giấy chứng nhận bà Phạm Thị Kim P đang thế chấp tại Quỹ tín dụng B. Trong thời gian vay, bà Phạm Thị Kim P đã trả lãi cho vợ chồng ông Trần Văn T được 02 tháng với số tiền là 8.000.000 đồng, riêng số tiền gốc và tiền lãi tháng thứ 03 thì bà Phạm Thị Kim P vẫn chưa trả từ đó đến nay.

Do đó, ông Trần Văn T yêu cầu cá nhân bà Phạm Thị Kim P trả lại cho vợ chồng ông số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo phương thức trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Phạm Thị Kim P trình bày:

Vào ngày 10/01/2012, bà có vay của vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H số tiền 100.000.000 đồng theo giấy nhận nợ do bà viết tay với lãi suất là 5%/tháng và thế chấp 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 692/QSDĐ ngày 29/8/1998. Bà đã trả lãi cho vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H được 07 tháng với số tiền là 35.000.000 đồng, sau đó bà không có khả năng trả gốc và lãi nữa. Đến năm 2015, bà đã mượn tiền của gia đình bà để trả số tiền gốc là 100.000.000 đồng cho vợ chồng ông Trần Văn T đồng thời vợ chồng ông Trần Văn T đã trả lại cho bà bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 692/QSDĐ ngày 29/8/1998. Bà nghĩ như vậy là thanh toán xong nhưng vợ chồng ông Trần Văn T không đồng ý bỏ phần tiền lãi mà bà chưa thanh toán nên đã lấy giấy nhận nợ để khởi kiện bà. Hiện tại bà đã làm thất lạc giấy nhận nợ viết tay giữa bà với vợ chồng ông Trần Văn T.

Thời gian mà bà vay tiền của ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H thì bà đã ly hôn nên việc vay mượn tiền là giữa cá nhân bà với ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H.

Nay ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H sử dụng giấy nhận nợ để yêu cầu bà trả số tiền 100.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì bà đã trả xong khoản nợ này cho vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Phạm Thị Kim P thừa nhận khi vay tiền của ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H thì bà không thế chấp bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 692/QSDĐ ngày 29/8/1998 cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H mà thế chấp cho Quỹ tín dụng B, sau khi trả nợ cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H và trả nợ cho Quỹ tín dụng B thì bà đã nhận lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Quỹ tín dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim H trình bày: Bà là vợ ông Trần Văn T, bà có cùng ý kiến với ông Trần Văn T và yêu cầu bà Phạm Thị Kim P trả lại cho vợ chồng bà số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) theo phương thức trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DSST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản của ông Trần Văn T theo giấy nhận nợ ngày 10 tháng 01 năm 2012.

Buộc bà Phạm Thị Kim P có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H số tiền 100.000.000 đồng theo phương thức trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Kim P chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 23/5/2018, bị đơn – bà Phạm Thị Kim P có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm.

Ngày 11/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số: 29/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng sửa án sơ thẩm về quan hệ tranh chấp và án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo.

Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí minh rút một phần kháng nghị đối với việc xác định quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm, giữ nguyên kháng nghị về phần án phí của Toà án cấp sơ thẩm do áp dụng sai điều luật.

Nguyên đơn có người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Bùi Diễm S trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

Bị đơn - bà Phạm Thị Kim P trình bày: Thực tế bà có viết hai giấy nhận nợ cho ông Trần Văn T mỗi giấy là 100.000.000 đồng, một giấy là để ông Trần Văn T giúp bà vay của quỹ tín dụng ngày 10/01/2012, một giấy tay vay trực tiếp của ông Trần Văn T. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng vay trực tiếp của ông Trần Văn T bà đã trả lại tiền vốn gốc và lãi và đã lấy lại giấy nợ này tuy nhiên hiện nay bà đã làm thất lạc mất không có để nộp cho Toà án. Còn giấy nhận nợ ngày 10/01/2012 mà ông Trần Văn T sử dụng làm chứng cứ kiện đòi tiền của bà là giấy bà vay của quỹ tín dụng chứ không phải vay của ông Trần Văn T. Nay bà xác định không còn nợ ông Trần Văn T khoản tiền trên nên bà yêu cầu sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Xét tại phiên Toà phúc thẩm bị đơn kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ gì mới để chứng minh việc đã trả nợ cho nguyên đơn nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Cấp sơ thẩm đã áp dụng sai điều luật của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 từ đó tính án phí không có giá ngạch đối với khoản tiền phải trả của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 3 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để sửa phần án phí của cấp sơ thẩm theo hướng có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Ngày 11/5/2018, Toà án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử và ban hành Bản án số 77/2018/DSST. Ngày 23/5/2018, bị đơn – bà Phạm Thị Kim P có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ngày 11/6/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số: 29/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của bà Phạm Thị Kim P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh còn trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn – ông Trần Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn – bà Phạm Thị Kim P trả lại cho vợ chồng ông số tiền 100.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 10/01/2012. Xét tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2017 và đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện ngày 23/4/2018 của nguyên đơn thì cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp đòi lại tài sản phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Do bị đơn đang cư trú tại huyện B, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; tại điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 1 Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án nhân dân huyện B có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Do có kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim H.

[3] Về nội dung:

Qua nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của của bị đơn – bà Phạm Thị Kim P, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bị đơn - bà Phạm Thị Kim P cho rằng ngày 10/01/2012 bà có vay của vợ chồng ông Trần Văn T 100.000.000 đồng theo giấy nhận nợ viết tay do bà viết, lãi suất 5%/tháng, bà đã trả lãi được 07 tháng tổng cộng là 35.000.000 đồng. Năm 2015, bà đã mượn tiền của gia đình để trả nợ gốc 100.000.000 đồng cho vợ chồng ông Trần Văn T, vợ ông Trần Văn T đã trả lại giấy nhận nợ cho bà. Bà cho rằng số tiền 100.000.000 đồng ông Trần Văn T khởi kiện bà là tiền lãi mà bà chưa thanh toán. Tại phiên Toà phúc thẩm bị đơn lại trình bày giấy nợ ngày 10/01/2012 trên do bà ký là để nguyên đơn giúp bà vay tiền của quỹ tín dụng, còn khoản nợ ông Trần Văn T bà đã trả và đã lấy lại giấy nhận nợ. Hiện nay bà đã làm thất lạc các giấy nhận nợ viết tay này nên không có để cung cấp cho Toà án.

Xét giấy nhận nợ ngày 10/01/2012 thể hiện nội dung là bà Phạm Thị Kim P vay của Ông Trần Văn T số tiền 100.000.000 đồng hoàn toàn không có nội dung nào bà Phạm Thị Kim P nhờ ông Trần Văn T vay tiền của quỹ tín dụng, lời khai của bà Phạm Thị Kim P trước sau có nhiều mâu thuẫn về việc trả nợ cho ông Trần Văn T, phía ông Trần Văn T không thừa nhận lời khai của phía bà Phượng. Bà Phạm Thị Kim P kháng cáo bản án sơ thẩm cho rằng bản án sơ thẩm không phù hợp với các tình tiết khách quan và sự thật của vụ việc, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nhưng bà cũng không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình. Cấp sơ thẩm chấp

nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn - bà Phạm Thị Kim P.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn - bà Phạm Thị Kim P trả cho ông Trần Văn T và bà Trần Thị Kim H số tiền 100.000.000 đồng nên bà Phạm Thị Kim Pphải chịu án phí trên số tiền bà Phạm Thị Kim Pcó nghĩa vụ thanh toán. Tuy quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản nhưng đối tượng tranh chấp là một số tiền cụ thể thông qua một giao dịch dân sự, do đó căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phạm Thị Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án có giá ngạch. Cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 17 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 để buộc bị đơn chịu án phí không có giá ngạch là không đúng nội dung vì điều luật này quy định về tạm ứng án phí. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên chấp nhận sửa án sơ thẩm về phần án phí là phù hợp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có căn cứ không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - bà Phạm Thị Kim P và có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm về phần án phí.

[5] Do bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án và bản án sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo là bà Phạm Thị Kim P không phải chịu án phí phúc thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Án phí sơ thẩm bà Phạm Thị Kim Pphải chịu án phí có giá ngạch trên số tiền 100.000.000 đồng. Do nguyên đơn được miễn tạm nộp án phí nên không xét hoàn trả án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ khoản 3 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - bà Phạm Thị Kim P.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 77/2018/DSST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện B về án phí.

1. Chấp nhận yêu cầu đòi lại tài sản của ông Trần Văn T theo giấy nhận nợ ngày 10 tháng 01 năm 2012.

Buộc bà Phạm Thị Kim P có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H số tiền 100.000.000 đồng theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Phạm Thị Kim Pcòn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Kim P phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Kim P không phải chịu, hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim P số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0005130 ngày 25/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự hyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-TAND tối cao;
-TAND cấp cao tại TP.HCM;
-VKSND TP.HCM;
-TAND huyện B;
-Chi cục THADS huyện B;
-Các đương sự;
-Lưu (T 20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Văn Hải

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thịnh **Nguyễn Thị Thu Hằng** **Phùng Văn Hải**